

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLDTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày

12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 154/TTr- SNNMT ngày 19/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là 204.857.000 đồng/ha (*Hai trăm linh bốn triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn*); chi tiết tại Phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xác định:

a) Số tiền các trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định Luật Lâm nghiệp.

b) Thực hiện trồng rừng thay thế trên diện tích quy hoạch cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; trồng rừng trên đất quy hoạch cho rừng sản xuất giao, cho thuê cho chủ rừng là doanh nghiệp nhà nước và các chủ rừng được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó: tùy vào tình hình cụ thể lập địa nơi trồng rừng mà chọn loài cây trồng, mật độ trồng cho phù hợp; nếu chi phí vật tư (cây giống, phân bón) tăng thì giảm chi phí nhân công và ngược lại; trường hợp tỷ lệ cây trồng chính đạt nghiệm thu thì chi phí cây trồng dặm sẽ chuyển sang chi phí nhân công, đảm bảo chi phí lâm sinh không vượt quá đơn giá nêu trên.

2. Đối với hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất quy hoạch cho rừng sản xuất giao hộ gia đình, cá nhân (có cam kết khai thác sau khi đạt tiêu chí rừng trồng gỗ lớn); thực hiện các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng, làm

giàu rừng: Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ nguồn kinh phí thu được theo quyết định này và nhu cầu hỗ trợ của các chủ rừng, tham mưu thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban: DT, KT-NS HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, phòng CM,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(HĐN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân